

SỐ 1536

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

Tác giả: Tôn giả Xá Lợi Tử.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng

QUYỂN 1

Phẩm 1: DUYÊN KHỞI

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đến ngụ tại khu rừng Chiết-lộ-ca, gần ấp huyện Ba Ba, nơi sinh sống của số đông các lực sĩ.

Bấy giờ, trong ấp huyện, tại thôn Đông Tây nơi các lực sĩ thường đến tụ họp vui chơi gọi là Ôt-bạt-nhã-ca-cựu-chế-đa, vừa mới xây xong một đài trang sức bằng ngọc quý. Nơi này chưa hề có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn, lực sĩ nào đến ở và sử dụng các tiện nghi. Khi biết được Đức Thế Tôn cùng quý Tăng sĩ Bí-sô vừa đến ngụ nơi khu rừng gần đó, thì họ hết sức vui mừng, hội họp nhau lại và bàn: “Chúng ta vừa mới sửa sang xây dựng xong tòa đài đẹp tuyệt ấy. Vậy trước hết nên thỉnh Phật cùng các thầy Bí-sô có phước điền vô thượng đến ở tại đây. Nhân đó nghề nghiệp của chúng ta sẽ phát đạt, có bao nhiêu tiền bạc để chi dụng, do đó an ổn vui sướng, suốt đêm an giấc chẳng lo toan chi, như thế chẳng tốt lắm sao?”.

Các lực sĩ sau khi bàn luận xong, đều chiêu tập bạn bè và bà con quyến thuộc cùng ra khỏi ấp Ba Ba đến thẳng chỗ Như Lai. Đến nơi

cùng lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh Phật ba vòng rồi cùng ngồi sang một phía.

Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm dùng lời lẽ hiền hòa dịu dàng thăm hỏi an ủi các lực sĩ và bà con quyến thuộc của họ, lại đem đủ các pháp môn mẫu nhiệm để chỉ bày dạy bảo, và khích lệ khen ngợi hết sức vui vẻ. Khi nói xong thì Đức Phật im lặng ngồi yên.

Đám người lực sĩ khi nghe Đức Phật nói pháp xong thì vui mừng hơn hởi, liền đứng dậy và chấp tay cung kính cùng bạch Phật:

- Lực sĩ chúng con, trong ấp này thường đến tụ tập vui chơi ở thôn Đông Tây nơi Ốt-bạt-nhã-ca-cựu-chế-đa, vừa mới xây dựng một đài trang sức bằng ngọc quý, nhưng chưa có vị Sa-môn hay Bà-la-môn và các lực sĩ nào đến ở đó cả. Nay mong Thế Tôn thương xót chúng con, Ngài hãy cùng quý vị đệ tử đến ở nơi ấy, khiến chúng con được nhiều lợi ích, luôn được an ổn hạnh phúc.

Khi ấy, Đức Như Lai thương xót họ liền đem chúng đệ tử đến ở tại đây. Nhân đây Ngài dùng pháp âm vi diệu vì các lực sĩ giảng nói những sự sai khác của quả báo bố thí, hỏi qua đáp lại mãi đến đêm xuống đã lâu. Đám người lực sĩ cùng số quyến thuộc được nghe pháp hết sức vui mừng đồng lễ Phật rồi ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-tử:

- Lưng Ta khá đau, cần phải nghỉ ngơi. Vậy thầy hãy thay Ta giảng nói các pháp thiết yếu cho chúng Bí-sô, chớ nên bỏ phí thời giờ vô ích.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-tử yên lặng vâng lời. Bấy giờ, Đức Phật liền dùng bốn lớp Ốt-đát-la-tăng trải làm ngọa cụ, xếp y làm gối rồi thẳng mình chồng chân nằm nghiêng về hông mặt, thâu giữ tâm đúng pháp nhập quang minh tướng. Trong khi nhập định vẫn đầy đủ các niệm chánh tri nhưng tâm thì yên lặng vững vàng, bất động như ngọn núi Đại Bảo.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo chúng Bí-sô:

- Vùng đất Ba Ba này trước đây có một vị Đạo sĩ, giữa chốn đông người đã tự phong mình là bậc Tôn sư. Sau khi người ấy qua đời chưa đầy một tháng thì các hàng đệ tử bày ra việc kết bạn thành từng đôi một. Cả hai người mãi phân vân tranh cãi nhau, có khi lại miệt thị chê bai dữ dội. Ai nấy tự bảo chỉ mình là kẻ thông suốt giáo luật của thầy mà không phải là ai khác. Chỉ có mình hiểu rõ luật pháp ấy thì lời phán quyết của mình mới đúng lý hợp nghi thức. Sự việc này đối với các ông là dứt phần. Thế là những điều thầy, dạy ai nấy tự cho là của riêng mình, tự tiện đối trước ra sau, hoặc thêm hoặc bớt, phân chia chi li vụn

vật và lập thành nhiều môn phái khác nhau. Rồi tranh giành ngôi vị hơn thua, nên khích bác, tranh luận. Để tránh lỗi lầm, khó khăn, họ càng chê bai, bài xích lẫn nhau. Tuy có tranh luận, nhưng không bàn về đạo lý mà chỉ phun ra những dao mác bén nhọn để tàn hại nhau. Những kẻ tín đồ bạch y tin theo đạo đó thấy đám đệ tử tranh chống nhau như thế liền nổi giận, khinh bỉ bỏ đi.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng:

- Ông Đạo sĩ ở thôn Ba Ba lìa thân tộc ấy chủ trương: Nói ác là phải chịu khổ, chẳng thể ra khỏi (giải thoát), chẳng thể đạt đến chánh giác. Đây là pháp hư hoại không thể đạt đến, không thể nương nhờ. Trái lại Đức Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, là vị Đại sư của chúng ta, có giáo pháp chủ trương: Nói thiện được thiện, luôn được giải thoát, xuất ly, có thể đạt đến giác ngộ hoàn toàn (chánh giác), là pháp chẳng hư hoại, có thể đạt tới, có chỗ nương nhờ. Chúng ta hiện nay được nghe những giáo pháp Phật nói, hiện Ngài đang còn sống đây, hãy hòa hợp kết tập lại thành pháp Tỳ-nại-da. Chớ nên để sau khi Như Lai nhập Niết-bàn rồi thì có việc đệ tử đệ tử tranh cãi chống đối nhau. Trái lại ta sống rất hòa thuận, siêng năng tuân giữ các pháp luật phạm hạnh thanh tịnh. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng được nhiều phước báo an lạc thù thắng.

Phẩm 2: MỘT PHÁP

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Toàn thể quý thầy nên biết Phật là người đã hiểu biết một cách thấu triệt đầy đủ về pháp môn duy nhất, và đã ân cần giảng nói, dạy bảo chỉ bày cho toàn thể đệ tử, môn đồ. Chúng ta hiện nay cần nên hòa hợp thu thập, kết tập lại đầy đủ. Để sau này khi Đức Phật diệt độ thì không xảy ra việc tranh cãi và khiến cho tất cả mọi người nên hòa thuận tuân giữ các pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh tạo các lợi lạc lâu dài cho vô số các loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian khiến họ thọ hưởng được nhiều phước báo an lạc thù thắng.

Thế nào là một pháp?

Có kệ (Ốt-đà-nam) nói:

Một pháp là hữu tình

Nương ăn, nương nghiệp sống

Đối tất cả pháp thiện

Chớ phóng dật làm trọng.

Tất cả các loài hữu tình đều nương vào việc ăn uống mà sống.

Tất cả các loài hữu tình đều nương vào nghiệp báo (hành) mà sống. Đối với các pháp thiện chớ nên khinh thường, sống phóng dật... đó gọi là “một pháp duy nhất”.

Thế nào là tất cả loài hữu tình đều nương vào việc ăn uống mà sống? Còn ăn là sao, mà nói loài hữu tình đều phải nương nhờ việc ăn uống mà sống còn.

Này quý thầy Bí-sô nên biết, như Đức Thế Tôn đã nói: Việc ăn uống có bốn cách, nhờ đó khiến nhiều chủng loại hữu tình được yên sống và có thể hoạt động giúp ích cho các nhu cầu của đời sống. Bốn cách ăn uống ấy là gì? (Sự nuôi sống ấy là gì?)

1. Là ăn một nắm cơm dù lớn hay bé, nhiều hay ít.
2. Là ăn bằng cách xúc chạm.
3. Là ăn bằng ý tưởng nghĩ đến.
4. Là ăn bằng thức biết.

Do bốn cách ăn này nên nói các loài hữu tình đều phải nương nhờ ăn uống mà sống.

Hỏi: Do nguyên cớ gì biết được các loài hữu tình đều phải nhờ ăn uống mà sống còn?

Đáp: Ấy là các loài hữu tình đối với thân thể họ do sự tụ họp tạo nên, và khi thức ăn chưa đầy đủ là nguyên nhân chính cho loài có tưởng, và khi thức ăn đầy đủ là nguyên nhân chính cho loài có tưởng, có suy nghĩ làm việc nói năng hoạt động sống còn, và bao nhiêu biến chuyển khác nhau... Trái lại cũng đối với loài hữu tình đó mà sự cạn kiệt thiếu thốn thức ăn là nguyên nhân chính khiến các suy nghĩ hoạt động nói năng kia phải chết chóc, tan nát và biến chuyển đổi khác. Do đó biết được các loài hữu tình đều phải nương nhờ thức ăn mà sống còn.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn uống đó, nên nói đó là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn uống đó, nên gọi là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là còn mãi lâu dài hay chẳng lâu dài, còn mãi?

Đáp: Nên nói là chẳng lâu dài mãi.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là biến đổi hay chẳng biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là do duyên sinh hay nói chẳng phải do duyên sinh?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh ra.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói nó thuộc về danh hay thuộc về sắc?

Đáp: Về đoàn thực thì nói thuộc về sắc, còn ba cách ăn kia thì nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là hữu kiến hay bảo là vô kiến?

Đáp: Nên nói là vô kiến.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là hữu đối hay là vô đối?

Đáp: Với đoàn thực (ăn từng nắm) nên nói là hữu đối, còn ba thứ ăn kia thì nói là vô đối.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là tâm hay chẳng phải tâm, nên nói là tâm sở hay chẳng phải tâm sở, nên nói là tâm tương ứng hay nói tâm chẳng phải tương ứng?

Đáp: Với đoàn thực nên nói là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở, và tâm chẳng tương ứng. Còn ăn bằng cách xúc chạm và bằng ý nghĩ, nên nói là tâm sở và tâm tương ứng. Riêng ăn bằng thức biết thì nói đó là tâm.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Với đoàn thực nên nói là vô ký, còn ba cách ăn kia nên nói là thiện, hoặc bất thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm thiện?

Đáp: Nếu xúc chạm có pháp thiện hữu lậu làm điều kiện thì có thể giúp nuôi lớn các căn và thêm nhiều ích lợi đối với thân tứ đại. Nơi nào cần thấm đượm thì đượm thấm, nơi nào cần làm cho tươi trẻ thì làm cho tươi trẻ, cần che chở, chuyển đổi, giữ gìn thì sẵn sàng che chở, chuyển đổi, và giữ gìn. Đó gọi là cách ăn xúc chạm thiện.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm bất thiện?

Đáp: Nếu do xúc chạm bất thiện làm điều kiện thì từ đó có thể nuôi lớn các căn và thân tứ đại được nhiều lợi ích. Lại hay thấm nhuần những chỗ (những lúc) cần thấm nhuần..., cho đến chuyển đổi, giữ gìn v.v... thì đó gọi là cách ăn xúc chạm bất thiện.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm vô ký?

Đáp: Nếu nhờ xúc chạm vô ký làm điều kiện, từ đó có thể nuôi lớn các căn thân tứ đại được thêm lợi ích, lại hay thấm đượm những chỗ,

những chỗ cần được thấm đượm cho đến chuyển đổi, giữ gìn..., thì gọi là cách ăn xúc chạm vô ký.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến thiện?

Đáp: Nếu lúc đó có các pháp thiện hữu lậu tương ứng với ý nghĩ, nghĩ các việc đang xảy ra trước mắt, nghĩ những việc, những ý đã nghĩ qua, nghĩ đến các loại ý nghiệp tạo nên tâm ý đó. Đó gọi là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến bất thiện?

Đáp: Nếu chạm việc bất thiện lại ứng hợp với các ý nghĩ lúc đó, mà nghĩ việc trước mắt v.v... cho đến nghĩ đến các ý nghiệp tạo ra nên tâm ý đó..., thì gọi đó là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến bất thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến vô ký?

Đáp: Nếu chạm việc vô ký ứng hợp với các ý nghĩ lúc đó..., cho đến nghĩ đến các ý nghiệp v.v... thì gọi là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến vô ký.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết thiện?

Đáp: Nếu có pháp thiện hữu lậu tương ứng với các tâm ý thức lúc đó, thì gọi là cách ăn bằng thức biết thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết bất thiện?

Đáp: Nếu ý nghĩ bất thiện tương ứng với các tâm ý thức lúc đó, thì gọi là ăn bằng thức biết bất thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết vô ký?

Đáp: Nếu ý nghĩ vô ký tương ứng với tâm ý thức lúc đó, thì gọi là ăn bằng thức biết vô ký.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn đó, nên gọi là học hay vô học, hay gọi là phi học phi vô học.

Đáp: Nên nói phi học phi vô học.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói thuộc cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc?

Đáp: Về đoàn thực nên nói thuộc cõi Dục, còn ba cách ăn kia thì hoặc thuộc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc.

Hỏi: Các thức ăn đều là đoàn thực chăng?

Đáp: Chỉ các đoàn thực thì đều là ăn. Có những cái ăn nhưng không cần phải đoàn thực, tức ba cách ăn kia và thế tục (sống ở đời).

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng xúc chạm chăng?

Đáp: Xúc chạm đều là ăn, nhưng có thức ăn chẳng phải là ăn bằng xúc chạm. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng ý nghĩ chăng?

Đáp: Các ý nghĩ đều là ăn, nhưng có những thức ăn chẳng phải ăn bằng ý nghĩ. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng thức chẳng?

Đáp: Cách ăn của thức đều là ăn, nhưng có những thức ăn chẳng phải là ăn bằng thức. Tức là ba cách ăn khác kia và thế tục.

Hỏi: Các phần ăn từng nắm đều là ăn chẳng?

Đáp: Nên quy thành bốn luận chứng:

1. Có những nắm từng phần ăn nhưng chẳng phải là ăn, là có các phần ăn này làm duyên đầy nhưng các căn hư hoại, ốm gầy, thân thể biến đổi hư hoại.

2. Lại có cách ăn nhưng chẳng cần phần ăn. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

3. Lại có phần ăn mà cũng là ăn, đó là các phần ăn này làm duyên khiến các căn tăng trưởng, thân thể đầy đủ thêm hơn, và có thể thấm đượm nơi cần thấm đượm, cho đến tùy sự giữ gìn v.v...

4. Lại còn có chẳng có phần ăn mà cũng chẳng phải ăn, tức là trừ tướng trước vừa kể.

Hỏi: Các thứ chạm xúc đều gọi là ăn chẳng?

Đáp: Nên chia ra bốn luận chứng:

1. Là có chạm xúc mà chẳng có ăn, tức là có chạm xúc với pháp vô lậu và hữu lậu để làm duyên, nhưng các căn lại bị hao gầy, thân thể bị biến đổi hư hoại.

2. Lại có cách ăn mà chẳng cần phải chạm xúc, là khác với ba cách ăn kia và thế tục.

3. Lại có xúc chạm mà cũng là ăn, là có xúc chạm với hữu lậu để làm duyên, giúp các căn thêm lớn, thân thể đầy đủ ích lợi và lại có thể thấm đượm tùy nơi cần thấm đượm, cho đến giữ gìn tùy nơi cần giữ gìn v.v...

4. Lại có chẳng cần xúc chạm mà chẳng phải là ăn, tức là trừ ba tướng trước vừa kể.

Như cách ăn do xúc chạm có bốn thứ đó, cách ăn về ý nghĩ và về thức biết thì cũng như thế, nên biết.

Hỏi: Lại có khi nào do ăn làm điều kiện rồi sinh ra ăn, sinh ra chẳng phải ăn, hoặc sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Khi có phần ăn làm duyên thì sinh ra ba thứ ăn kia.

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Do đoàn thực làm duyên mà sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn?

Đáp: Do đoàn thực làm duyên mà sinh ra ba thứ ăn kia và thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Lại có khi nào chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn, sinh ra ăn, sinh ra ăn mà chẳng phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên thì sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Lại có khi nào ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn, sinh ra ăn, sinh ra ăn chẳng phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết.

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên thì sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Nếu đoàn thực (có phần ăn thực) đã dứt, đã biết khắp thì cách ăn bằng chạm xúc cũng như thế chẳng?

Đáp: Nếu ăn bằng cách chạm xúc đã dứt, đã biết cách thì đoàn thực cũng thế. Có đoàn thực đã dứt, đã biết khắp mà chẳng phải là thức ăn chạm xúc, tức là chỉ mới lìa dục nhiễm, chưa lìa được thượng nhiễm. Như lấy đoàn thực đối chiếu với ăn bằng chạm xúc, đối chiếu với ăn

bằng ý nghĩ và thức biết cũng như thế.

Hỏi: Nếu ăn bằng chạm xúc đã dứt, đã biết khắp thì ăn bằng ý nghĩ có như thế chăng?

Đáp: Có như thế. Nếu lấy cách ăn do chạm xúc mà đối chiếu với cách ăn bằng ý nghĩ thì đối với cách ăn bằng thức cũng như vậy.

Hỏi: Nếu ăn bằng ý nghĩ đã dứt, đã biết khắp thì cách ăn bằng thức cũng như thế chăng?

Đáp: Cũng như thế.

Hỏi: Nếu đối với sự ăn uống đã dứt, đã biết khắp, thì đó là lia được cách nhiệm trước cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu đối với đoàn thực đã dứt, đã biết khắp, thì nó chỉ lia nhiệm trước ở cõi Dục, chứ không phải ở cõi Sắc và Vô sắc. Còn như đối với cả ba cách ăn kia mà đã dứt, đã biết khắp, thì nó đã lia được các nhiệm ở cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Khi đó thì đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả mọi thứ, tất cả ngôi vị, tất cả chỗ, tất cả các ràng buộc kết chặt đều đã lia nhiệm ô. Còn tất cả loài hữu tình đều phải nương vào hành mà sống.

Hỏi: Thế nào là hành mà nói là loài hữu tình phải nương vào hành mà sống?

Đáp: Này quý thầy Bí-sô nên biết, như Đức Thế Tôn đã nói: Nếu các loài hữu tình đối với thân thể mình, do tụ họp tạo nên, mà chẳng chết mất, chẳng hao mòn, chẳng bị phá vỡ, chẳng lỗi lầm, chẳng lui sụt..., thì đều là do đời sống (thọ) giữ cho thân xác (mạng căn) luôn liên tục nối tiếp mãi. Cuộc sống (thọ) này gọi là hành. Do cái hành đó mà cả loài hữu tình sống còn hoạt động được chính hành này đối với những việc cần che chở giữ gìn hay chuyển đổi thì nó sẽ tùy theo mà che chở giữ gìn chuyển đổi. Do đó nên nói tất cả các loài hữu tình đều nương nhờ hành mà sống.

Hỏi: Do điều kiện nào mà biết được các loài hữu tình đều nương vào hành mà trụ?

Đáp: Nghĩa là tất cả loài hữu tình đối với thân tụ họp này, khi nào cuộc sống của hành còn đầy đủ là nguyên nhân chính để có suy nghĩ, làm việc, nói năng, hoạt động, sống còn và các sự chuyển biến khác nhau. Còn như các loài hữu tình đó đối với thân tụ họp này khi nào cuộc sống của hành đã thiếu vắng là nguyên nhân chính khiến các suy nghĩ nói năng hoạt động sống còn kia đều phải chết chóc tan nát rụi tàn và chuyển biến đổi khác. Do đó nên biết các loài hữu tình đều phải nương nhờ vào hành mà sống còn.

Hỏi: Như thế mạng sống phải nói là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Với mạng sống nên nói là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là còn mãi lâu dài hay chẳng còn mãi lâu dài?

Đáp: Nên nói là chẳng còn mãi lâu dài.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là biến đổi hay chẳng biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là do duyên sinh hay chẳng phải do duyên sinh ra?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh ra.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói thuộc về sắc hay thuộc về danh?

Đáp: Nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là có thấy hay chẳng thấy?

Đáp: Nên nói không thấy.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là có đối hay không có đối?

Đáp: Nên nói không đối.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là tâm hay chẳng phải tâm, nên nói là tâm sở hay chẳng phải tâm sở, nên nói là tâm tương ứng hay tâm chẳng tương ứng?

Đáp: Nên nói là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở, và tâm chẳng tương ứng.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là học hay vô học?

Đáp: Nên nói là chẳng phải là học cũng chẳng phải là vô học.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói thuộc cõi Dục, cõi Sắc, hay cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói là thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Dục? Vì đó là mạng sống ở cõi Dục.

Vì sao nói là thuộc cõi Sắc? Vì đó là mạng sống ở cõi Sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Vô sắc? Vì đó là mạng sống ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Dục cũng thế. Có mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Sắc. Nghĩa là đã lìa được cái nhiễm ở cõi Dục, nhưng chưa lìa được cái nhiễm của cõi Sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt, đã biết khắp thì mạng sống ở cõi Dục cũng như thế. Có mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Dục, nhưng chưa lìa được nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt đã biết khắp thì mạng sống cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Sắc cũng như thế. Có mạng sống ở cõi Sắc đã dứt đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, nhưng chưa lìa được nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với mạng sống đã dứt, đã biết khắp, thì nó có lìa được các nhiễm của cả ba cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì nó đã lìa nhiễm ở cõi Dục, chẳng phải ở cõi Sắc và Vô sắc. Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt, đã biết khắp, thì nó chỉ mới lìa nhiễm ở cõi Dục, Sắc, chứ không phải ở cõi Vô sắc. Còn nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt, đã biết khắp thì khi ấy nó đã lìa hết các nhiễm của cả ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Bấy giờ, đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả mọi thứ, tất cả ngôi vị, tất cả chỗ, tất cả sự ràng buộc, kết chặt đều được lìa tất cả ô nhiễm.

Đối với tất cả pháp thiện không có buông lung. Thế nào là buông lung?

Đáp: Nếu đoạn dứt các pháp bất thiện, thực hiện đầy đủ các pháp thiện, luôn luôn luyện tập trau giồi, lúc nào cũng tu trì, luôn thực hiện các việc một cách bền bỉ, lâu dài mãi mãi, tu trì nhiều lần nhiều ngày không bao giờ ngưng nghỉ. Đó gọi là chẳng buông lung hay là bất phóng dật.

Phẩm 3: HAI PHÁP - Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo đại chúng: Tất cả quý thầy nên

biết! Đức Phật là người đã hiểu biết thấu suốt đầy đủ về hai pháp, đã vì các hàng đệ tử, môn đồ ân cần giảng dạy chỉ bày. Vậy nay chúng ta cần nên hòa hợp kết tập lại, để sau này khi Đức Phật đã diệt độ thì không xảy ra việc tranh cãi và khiến tất cả mọi người cần hòa thuận tuân giữ các pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh để tạo nên các lợi lạc lâu dài cho vô số các loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng các phước báo an lạc thù thắng. Thế nào là hai pháp? Kệ nói: (Ốt-đà-nam)

*Hai pháp là Danh, Sắc,
Cho đến Tận - Vô sanh
Gồm hai mươi bảy thứ
Sẽ giải thích chương sau.*

Có hai pháp gọi là danh và sắc.

Lại có hai pháp, đó là vô minh và hữu ái.

Lại có hai pháp, đó là có thấy và không thấy.

Lại có hai pháp, đó là không hổ, không thẹn.

Lại có hai pháp, đó là hổ và thẹn.

Lại có hai pháp, đó là lời ác, bạn ác.

Lại có hai pháp, đó là lời lành, bạn lành.

Lại có hai pháp, đó là khéo léo gây tội và khéo léo thoát tội.

Lại có hai pháp, đó là khéo léo nhập định và khéo léo xuất định.

Lại có hai pháp, đó là giới hạn khéo léo và tác ý khéo léo.

Lại có hai pháp, đó là thật thà ngay thẳng và hiền hòa.

Lại có hai pháp, kham nhẫn (nhẫn nhục) và luôn vui.

Lại có hai pháp, đó là hòa thuận và cúng dường.

Lại có hai pháp, đó là niệm đủ và biết đúng.

Lại có hai pháp, đó là sức suy nghĩ chọn lọc và sức tu tập.

Lại có hai pháp, đó là chẳng giữ gìn căn môn và ăn chẳng biết lượng đủ.

Lại có hai pháp, đó là giới giữ gìn căn môn và ăn biết lượng đủ.

Lại có hai pháp, đó là thiếu giới, thiếu kiến.

Lại có hai pháp, đó là phá giới, phá kiến.

Lại có hai pháp, đó là đủ giới, đủ kiến.

Lại có hai pháp, đó là tịnh giới, tịnh kiến.

Lại có hai pháp, đó là thấy đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp, đó là chán đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp, đó là đối với pháp thiện chẳng mừng đủ và đối với sự đoạn dứt chẳng ngăn trở.

Lại có hai pháp, đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Lại có hai pháp, đó là sáng suốt và giải thoát.

Lại có hai pháp, đó là trí tận và trí vô sinh.

Trong đây có hai pháp: Đó gọi là danh - sắc.

Hỏi: Thế nào là danh?

Đáp: Đó là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cùng hư không trạch diệt và phi trạch diệt, đó gọi là danh.

Hỏi: Thế nào là sắc?

Đáp: Thân tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và sự tạo ra sắc chất.

Lại có hai pháp: Đó gọi là vô minh và hữu ái.

Hỏi: Vô minh là gì?

Đáp: Như trong Luận Pháp Uẩn nói.

Hỏi: Hữu ái là gì?

Đáp: Các sự tham lam ở cõi Sắc và Vô sắc vì tham lam nên cất chứa, giữ gìn, đam mê đắm vướng và yêu thương chấp nhiễm, đó là hữu ái.

Lại có hai pháp: Đó là có thấy (hữu kiến) và không thấy (vô kiến).

Hỏi: Có thấy là sao?

Đáp: Như bảo cõi thế gian của ta là thường còn. Do đó phát khởi sự nhận chịu ham thích nhìn thấy, thì gọi đó là có thấy.

Hỏi: Không thấy là sao?

Đáp: Như bảo cõi thế gian của ta là đoạn diệt do đó khởi lên sự nhận chịu ham thích nhìn thấy, đó gọi là không thấy.

Lại có hai pháp: Gọi là không hổ, không thẹn.

Hỏi: Không hổ là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Kẻ không biết xấu hổ là đối với các việc đáng xấu hổ mà lại không biết xấu hổ. Các việc đáng xấu hổ đó là sự xấu xa độc ác, chẳng lành, lại tùy thuận theo các thói ô nhiễm xen tạp, tùy thuận vào kiếp sau bị các khổ não dị thực và tùy thuận theo cuộc sống ở vị lai với sinh, già, chết, rồi sau này khi các việc ác xấu xa chẳng tốt lành sinh ra nhưng không biết xấu hổ, không có điều xấu hổ, không tự xấu hổ riêng mình, không trên (trợ trên), không bị làm trên, không có hổ thẹn, không tôn sùng kính trọng ai, không được tôn sùng kính trọng, không tùy thuộc người khác, không có kẻ khác tùy thuộc

mình, đối với mình lúc nào cũng luôn tự tại không hề biết sợ sệt áy náy... đó gọi là không xấu hổ”.

Hỏi: Không thẹn là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Không biết thẹn, đối với các việc đáng hổ thẹn mà chẳng sinh lòng hổ thẹn. Việc đáng hổ thẹn đó là các việc xấu xa ác độc chẳng thiện cho đến tùy thuận có thân thời vị lai với đủ cả sinh, già, chết, và sau này khi các sự xấu xa chẳng tốt lành sinh ra thì không biết hổ thẹn, không có điều kiện hổ thẹn, chẳng tự thẹn riêng mình, không biết hổ thẹn, không có điều hổ thẹn, cũng chẳng biết tự hổ thẹn riêng. Đối với các tội lỗi đã làm mà chẳng hề biết sợ hãi lo lắng, chẳng thấy có điều chi sợ sệt bối rối cả. Đó gọi là chẳng biết thẹn”.

Lại có hai pháp: Đó là biết hổ, biết thẹn.

Hỏi: Biết hổ là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có kẻ biết hổ là đối với các việc đáng xấu hổ thì sinh lòng xấu hổ. Việc đáng xấu hổ đó là những việc xấu xa chẳng thiện, cho đến tùy thuận, đến cuộc sống ở tương lai có đủ sinh, già, chết. Và sau này khi các việc xấu xa chẳng tốt lành sinh ra thì có biết xấu hổ, có điều xấu hổ, có tự biết xấu hổ riêng. Có sai khiến, bị sai khiến, có sai lầm riêng. Có tôn sùng kính trọng và được tôn sùng kính trọng, có tùy thuộc và được người khác tùy thuộc. Đối với sự tự tại thì biết sợ sệt, đó gọi là biết xấu hổ”.

Hỏi: Biết thẹn là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có những kẻ biết thẹn là đối với các việc đáng hổ thẹn thì sinh lòng hổ thẹn. Việc đáng hổ thẹn tức là các việc xấu xa độc ác chẳng tốt lành, cho đến gây nên kiếp sống ở vị lai với sinh, già, chết. Và sau này khi các việc ác chẳng lành đó sinh ra thì biết hổ thẹn, có hổ thẹn riêng mình. Biết hổ thẹn các điều đã hổ thẹn, có sự hổ thẹn riêng mình. Đối với các tội ác lỗi lầm đã gây ra thì biết sợ sệt áy náy lo lắng, thấy được các việc đáng e dè sợ sệt. Đó là biết thẹn”.

Lại có hai pháp: Đó là lời nói xấu ác và bạn xấu ác.

Hỏi: Thế nào là lời nói xấu ác?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn nói.

Hỏi: Thế nào là bạn xấu ác?

Đáp: Cũng trong Luận Pháp Uẩn đã nói.

Lại có hai pháp: Đó là lời nói lành và bạn lành.

Hỏi: Lời nói lành là sao?

Đáp: Trong cùng một hạng người, nghề nghiệp, khi nào cần thân

thiết chỉ bày dạy bảo nhau thì cùng thân thiết giúp nhau để được như nhau. Khi nào cần dùng mầu mực, thì cũng tùy thuận mà thực hiện. Đối với người khác có tài đức thì một lòng kính trọng tôn quý, tin tưởng giao tế qua lại để trở thành nhóm bạn hiền, đúng như pháp mà khuyên bảo nhau như nói từ nay trở đi chớ làm xấu thân nghiệp, chớ làm xấu ngữ nghiệp, chớ làm xấu ý nghiệp, chớ làm, sống theo nó. Chớ nên gần gũi với các bạn xấu. Chớ nên gây tạo các nghiệp ác sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Cứ như thế mà khuyên răn dạy bảo những lời hay ý đẹp đúng lúc, đúng nơi. Còn đối với các việc tu hành đạo pháp thì cần nên tùy thuận mà gia công bền bỉ khéo léo như mài giữa ngọc quý, để đạo đức ngày càng trở nên tôn quý đẹp đẽ hơn. Hãy giúp đỡ bạn bè những tài sản quý báu lớn lao bằng những lời khuyên răn dạy bảo quý báu, cùng nhau mến yêu, chia ngọt xẻ bùi đồng cảm, đồng sở thích, cùng tin tưởng giúp đỡ nhau hết lòng. Chẳng lấy trộm, cái gì cho mới lấy đàng hoàng. Không nên chống cự nghịch thù cũng không bắt bẻ, chống báng chê bai nhau, hay bài bác hắt hủi nhau tàn tệ... Đó là lời nói lành.

Hỏi: Còn bạn lành là thế nào?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn nói.

Lại có hai pháp: Đó là khéo léo gây tội và khéo léo thoát tội.

Hỏi: Thế nào là khéo léo gây tội?

Đáp: Tội tức là có năm thứ tội của thân ngữ uẩn. Năm thứ tội đó là:

1. Là hơn người khác.
2. Nhiều thứ khác.
3. Là đọa vào địa ngục bị nấu đốt.
4. Là đối thú.
5. Là làm ác.

Khéo gây tội tức là đúng như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô phạm tội hơn người là như thế, thầy Bí-sô phạm nhiều tội khác là như thế, thầy Bí-sô phạm tội chưng nấu là như thế, thầy Bí-sô phạm tội đối thú là như thế, thầy Bí-sô phạm tội làm ác là như thế.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội hơn người. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm nhiều thứ tội khác. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội bị đọa vào nơi nấu đốt. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội đối thú. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội làm ác.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô này đã phạm tội hơn người như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm nhiều tội khác như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm tội chưng nấu như thế. Thầy Bí-sô này đã

phạm tội đối thú như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm tội làm ác như thế.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội hơn người. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm nhiều tội khác. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội chướng nấu. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội đối thú. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội làm ác.

Lại phải như thật mà thấy biết: Các thầy Bí-sô đã phạm tội hoặc nặng hay nhẹ, hoặc sâu hay cạn, hoặc có dư hay không dư, hoặc che giấu hay không che giấu, hoặc rõ ràng hay không rõ ràng, hoặc đã phát lộ hay chưa phát lộ, hoặc đã diệt trừ hết hay chưa diệt trừ hết, hoặc có thể nói hay không nói được, hoặc làm được hay chẳng thể làm được. Như thế mà gây tạo ra các thứ tội, là đã hiểu rõ ràng, hiểu tất cả, hiểu mọi việc gần gũi, hiểu rõ khắp mọi nơi, thấy mình hiểu biết lượng định kỹ, sáng suốt, tuệ hạnh hiểu biết thông tỏ Tỳ-bát-xá-na... đó gọi là khéo léo gây tội.

Hỏi: Thế nào là khéo léo thoát tội?

Đáp: Tội là năm thứ tội của thân ngũ uẩn. Như trước đã nói rõ. Các tội khéo léo, nghĩa là đúng như thật mà hiểu biết với bốn tội sau đây thì có thể thoát ra, đó là: các thứ khác, chướng nấu, đối thú, làm ác.

Việc thoát ra như thế nào? Như nói thế này: Tôi là... (như thế), từ trước nay chưa hề bày tỏ cùng ai. Hôm nay tôn xin nói lời này để trình bày việc đó. Với tội lỗi như thế nay xin thưa bày... Tôi vừa trình bày xong, nay xin phát lộ sám hối. Đối với tội như thế, nay xin làm đúng theo pháp đã được quy định. Nếu không phát lộ sám hối thì chẳng được tiêu trừ. Nên hôm nay tôi xin trình bày rõ ràng các việc như thế và xin chân thành phát lộ sám hối đúng như điều quy định với tội lỗi như thế... nay phát lộ sám hối như thế rồi thì tội lỗi kia sẽ được tiêu trừ. Và như thế là biết được rằng mình đã thoát ra các tội lỗi..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là thoát tội một cách khéo léo.

